

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYỂN TIẾP LÊN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 869/QĐ-ĐHCT ngày 30 tháng 3 năm 2018  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)

Ngành học: **Quản lý đất đai** (Land Management) Mã ngành: 7850103  
Hệ đào tạo: Chính quy Thời gian đào tạo: 4 năm Danh hiệu: Kỹ sư  
Đơn vị quản lý: Bộ môn Tài nguyên đất đai, Khoa Môi trường và Tài nguyên thiên nhiên

## 1. Mục tiêu đào tạo

Chương trình đào tạo kỹ sư ngành Quản lý Đất đai nhằm đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng trong lĩnh vực quản lý đất đai theo định hướng chuyên nghiệp. Các mục tiêu cụ thể:

- a. Phẩm chất chính trị vững vàng, tư cách đạo đức tốt, có sức khỏe, có ý thức tổ chức kỷ luật, có trách nhiệm với xã hội.
- b. Vận dụng được kiến thức lý thuyết vào thực tế trong các lĩnh vực chuyên môn về kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trong thiết kế, xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu địa chính
- c. Hệ thống hóa được các văn bản pháp qui về đất đai nhằm thực hiện tốt các nội dung trong quản lý nhà nước về đất đai.
- d. Xây dựng được các tiêu chí đánh giá, định giá, quy hoạch phân bố sử dụng đất đô thị và nông nghiệp
- e. Khả năng làm việc độc lập, kỹ năng tổ chức và làm việc chuyên nghiệp trong đội, nhóm.
- f. Khả năng tự học, tự nghiên cứu và tiếp thu các thành tựu khoa học – kỹ thuật mới nhằm tự nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng với sự phát triển của xã hội.

## 2. Chuẩn đầu ra

### 2.1 Kiến thức

#### 2.1.1 Khối kiến thức giáo dục đại cương

- a. Có kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lênin; đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam; tư tưởng Hồ Chí Minh, có sức khỏe, có kiến thức về giáo dục quốc phòng đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- b. Có kiến thức cơ bản về pháp luật đại cương, về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên để đáp ứng yêu cầu tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.
- c. Có kiến thức cơ bản về tiếng Anh/tiếng Pháp tương đương trình độ A Quốc gia.
- d. Có kiến thức cơ bản về máy tính, các phần mềm văn phòng và các phần mềm cơ bản khác.

#### 2.1.2 Khối kiến thức cơ sở ngành

- a. Các kiến thức cơ bản của ngành về đất, chất lượng về điều kiện tự nhiên và môi trường đất như: địa chất, thổ nhưỡng, đánh giá đất, khí tượng thủy văn, quản lý đánh giá tác động môi trường.
- b. Kiến thức cơ bản về pháp luật và quản lý đất đai: luật đất đai, lưu trữ - quản lý hồ sơ địa chính, kiểm kê chính lý biến động về đất đai, nông nghiệp đô thị, quản lý đô thị
- c. Kiến thức cơ bản thực hiện nghiên cứu khoa học về quản lý đất đai
- d. Kiến thức cơ bản về kỹ thuật và công nghệ trong quản lý đất đai: kỹ thuật bản đồ địa chính, trắc địa đại cương, viễn thám cơ bản, hệ thống thông tin địa lý – GIS, hệ quản trị cơ sở dữ liệu địa chính.

### 2.1.3 Khỏi kiến thức chuyên ngành

- a. Kiến thức chuyên ngành sâu và kỹ năng thực hành chuyên nghiệp lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ tiên tiến trong việc xây dựng, quản lý, mô phỏng và dự báo tài nguyên đất đai: đo đạc địa chính, xử lý số liệu trong đo đạc, viễn thám ứng dụng, quản lý thông tin đất đai, phân tích thiết kế hệ thống địa chính, mô hình hóa trong quản lý đất đai, AutoCad và định vị toàn cầu GPS, đồ họa và thiết kế cảnh quan đô thị.
- b. Kiến thức chuyên sâu về kinh tế, pháp luật và quản lý nhà nước về đất đai: Quản lý và phân tích thị trường bất động sản, phân hạng định giá đất, kinh tế tài nguyên đất đai, pháp luật về thanh tra đất đai, quản lý nhà nước về đất đai
- c. Kiến thức chuyên môn sâu về quy hoạch, chiến lược phát triển, quản lý và khai thác nguồn tài nguyên đất đai: quy hoạch phân bổ sử dụng đất, quy hoạch phát triển vùng và đô thị, quy hoạch nông thôn, phát triển bền vững nguồn tài nguyên đất đai, quản lý và khai thác tài nguyên đất đai, dự báo biến động tài nguyên đất đai, quản lý các công trình xây dựng đô thị.
- d. Kiến thức chuyên môn thực tế kinh nghiệm từ các cơ quan địa phương về kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ quản lý đất đai: kỹ năng chuyên ngành, rèn nghề quản lý đất đai, thực tập chuyên ngành quản lý đất đai.

## 2.2 Kỹ năng

### 2.2.1 Kỹ năng cứng

- a. Thành thạo công tác đo đạc và lập bản đồ chuyên ngành và chuyên đề, vận dụng sáng tạo các công nghệ tiên tiến phục vụ công tác xây dựng, quản lý, mô phỏng và dự báo nguồn tài nguyên đất đai
- b. Vận dụng tốt các văn bản pháp luật của Nhà Nước trong công tác đăng ký – cấp giấy, thống kê – kiểm kê chính lý biến động đất đai, giải quyết tranh chấp đất đai, thực hiện tốt các nội dung trong công tác quản lý nhà nước về đất đai.
- c. Đề xuất được quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, dự báo, quản lý, khai thác sử dụng bền vững nguồn tài nguyên đất đai
- d. Phân tích và đề xuất biện pháp, chính sách phục vụ giải quyết vấn đề kinh tế, xã hội, kỹ thuật thuộc lĩnh vực quản lý đất đai có hiệu quả.
- e. Xây dựng được các đề cương dự án, triển khai thực hiện đề tài/dự án nghiên cứu và viết báo cáo khoa học.

### 2.2.2 Kỹ năng mềm

- a. Kỹ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.
- b. Có kỹ năng giao tiếp tốt nhằm trao đổi, chia sẻ, hợp tác với các thành viên khác; duy trì phát triển quan hệ hợp tác đối tác.
- c. Đạt trình độ tin học và ngoại ngữ theo quy định phục vụ tốt và đáp ứng yêu cầu công tác trong thời kỳ đổi mới và hội nhập; sử dụng thành thạo các phương tiện hỗ trợ, các phương tiện giao tiếp đa truyền thông khi làm việc với cộng đồng.
- d. Tư duy theo hệ thống, tích cực và sáng tạo; biết tổng hợp, phân tích, đánh giá, dự báo, xây dựng kế hoạch và viết báo cáo.
- e. Đảm nhiệm được công tác quản lý và điều hành: cán bộ nghiên cứu, cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật.

